

KINH TẾ NAM TRIỀU TIÊN

HAI NĂM QUA

VĂN THÁI

ẤN TƯỢNG ĐANG MỜ DẦN ?

Nền kinh tế Nam Triều Tiên với những thành tựu to lớn đã gây được những ấn tượng đậm nét vào giữa thập niên 80. Con rồng Nam Triều Tiên đã sáng chói cất cao mình vào năm 1988, vượt lên hàng đầu trong nhóm "Tứ Long" Châu Á với mức tăng trưởng GDP 12,2% và "số thặng dư mậu dịch đạt tới con số kỷ lục 13,8 tỉ đô-la" (1). Những ấn tượng ấy bắt đầu phai mờ dần qua những năm 1989-90. Tốc độ tăng trưởng GDP giảm chậm chỉ còn 6,2% vào năm 1989 và bình quân GNP theo đầu người của Nam Triều Tiên chỉ đạt 4.830 đô-la, thấp nhất trong nhóm "Tứ Long":

Nước	Mức tăng GDP (%)		Bình quân GNP/người	
	1988	1989	1990	năm 1989 (đô-la)
Singapore	11	9,2	8,3	10.520
Nam Tr. Tiên	12,2	6,2	7,3	4.830
Đài Loan	7,3	11,0	7,5	7.570
Hồng Kông	7,5	3,0	3,0	10.950

Nguồn: Phụ san "Kinh tế Thế giới"

và Quan hệ quốc tế", 1990. Tr. 137.

Tổng xuất khẩu năm 1989 chỉ còn tăng 2,8% trong khi tổng nhập tăng 18,3% và thặng dư mậu dịch chỉ còn đạt hơn 1 tỉ đô-la, sụt giảm 7,8 tỉ đô-la.

Nguyên nhân chủ yếu: hàng xuất khẩu Nam Triều Tiên đã mất khả năng cạnh tranh bằng giá rẻ trên thị trường thế giới, nhất là ở Mỹ (chiếm hơn 50% tổng xuất của NTT). Vị khách hàng chính yếu của NTT này đã nâng tỉ giá đồng Won và USD lên 22% trong những năm 1985-89. Cũng trong thời gian đó, việc tăng lương vượt trội với tỉ lệ 115% và mức lương trung bình đã vượt cả Đài Loan và Singapore (749 đô-la/tháng), đặc biệt tăng nhanh trong các ngành kinh tế chủ chốt, kể cả xuất khẩu. Riêng ngành chế tạo ô-tô, mức lương khởi điểm năm 1989 đã đạt bằng 75% so với mức lương đó ở Nhật. Điều này góp phần làm dịu bớt các xung đột xã hội gay gắt, nhưng lại triệt tiêu khả năng cạnh tranh bằng giá rẻ của ô-tô NTT trước đây và phải thay bằng các biện pháp cạnh tranh "phi giá" với những mẫu mã hoàn thiện hơn. Nhưng NTT đã hơi chậm chân trong điều kiện này, kể cả công ty lớn nhất NTT là Hyundai. Số ô-tô của hãng này xuất sang Mỹ trong năm 1989 đã giảm đi một nửa so với năm trước, từ 405 ngàn còn 214 ngàn chiếc. Việc xuất khẩu ô-tô giảm 35%, thép 20%, vải 18%, đồ chơi 16%, giày dép 7%. "Đây là một bước tạm ngừng hay thụt lùi?" "Đây có phải là bước đầu của sự suy thoái nghiêm trọng không?". Những câu hỏi đã được đặt ra trong tình cảnh ấy (xem: Bertrand Chung, Sách đã dẫn, tr. 200 và 203).

CHUYỆN TRÒ VỚI MỘT SỐ NGƯỜI LÀM MƯỜN Ở NÔNG THÔN

Tuốc Tết và sau Tết Tàn Mùi, tôi có dịp gặp và trò chuyện với một số bà con từ trước tới nay chuyên đi làm mướn ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long. Bà con cho

biết: "Hồi trước, nhiều người thuê đi làm những việc như cấy, cắt lúa, đào mương, lên liếp, đắp nền nhà, dọn cỏ làm vườn, hái dưa, bóc lá mía và nhiều việc khác nữa. Có việc làm có công ăn, đời sống cũng đỡ chịu không tới nổi vất vả. Không đi làm mướn cho những nhà trong xóm, ấp trong xã mình, thì đi sang các huyện khác, tỉnh khác, làm mướn. Còn bây giờ thì khó kiếm việc làm chú ạ". Nghe bà còn nói, tôi chợt nhớ tới bài báo viết về: "Qua một góc các chợ Tết Hậu Giang" của hai anh Huỳnh Kim - Lê Nguyễn đăng trên báo Tuổi trẻ chủ nhật số 7-9 cũng cho biết: "Người làm mướn không ai thuê mướn". Tình hình trên không biết có phổ biến hay không, nhưng là điều có thật không thể không bận tâm. Nghĩ rằng không ai hiểu thấu vấn đề hơn những người trong cuộc, tôi hỏi bà con tại sao vậy thì được trả lời: "đất không đẻ", "việc không đẻ" và "đẻ ít" trong khi đó thì số người làm mướn đông lên, số người, số nhà thuê mướn người làm cũng ít đi; và vì các "chủ ruộng" "chủ vườn", trong đó phần đông là trung nông nếu có mướn thì cũng chỉ

LỐI THOÁT

Trong khi hầu hết các ngành giảm sút thì ngành xây dựng lại tăng trưởng mạnh mẽ, cùng với việc thực thi các chương trình kinh tế vùng, hoàn thiện hệ thống cấu trúc hạ tầng, nhà ở... Nếu trong thập niên 80 mức tăng bình quân của ngành này hàng năm là 16% thì trong năm qua tăng 38%. Các công ty xây dựng đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giá trị đơn đặt hàng từ nước ngoài đã đạt tới 2,1 tỉ đô-la; cải tạo cơ cấu ngành và hiện đại hóa thiết bị các ngành công nghiệp nhẹ mà những năm gần đây đã tỏ ra lỗi thời, kìm hãm sự phát triển kinh tế; tăng cường đầu tư ra nước ngoài để ổn định nguồn nguyên liệu và nhiên liệu, vượt qua những rào cản của các chính sách bảo hộ mậu dịch, tham gia cả vào việc nghiên cứu thiết kế thử nghiệm khoa học của các nước đã phát triển công nghiệp và đưa quy mô vốn đầu tư của NTT ở nước ngoài lên 1,9 tỉ đô-la năm 1989.

Phi tập trung hóa quản lý kinh tế, tư nhân hóa, khuyến khích mọi cách những tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng vẫn là một lối thoát đang được mở tiếp.

Thị trường trong nước được mở rộng và thu hút nhiều hơn các sản phẩm của mình: ô tô (mức tiêu thụ 1989 tăng 45% so với 1988), máy tính điện tử (mức tiêu thụ trong nước năm 1989 chiếm 23% tổng số máy sản xuất, so với 1988 chỉ là 15,5%). Các nhà sản xuất NTT kiên trì nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc về quy trình công nghệ đối với Mỹ và Nhật.

Tiếp tục chính sách nâng đỡ mọi cách việc nghiên cứu khoa học và thiết kế thử nghiệm, chính phủ tham gia thiết lập một trung tâm khoa học kỹ thuật chuyên ngành ô-tô. Công ty Huyndai cũng đã góp một bước tiến dài trong việc tăng nhanh tiềm năng kỹ thuật của

ngành: năm 1990 bắt đầu xuất xưởng những động cơ ô-tô tự thiết kế chế tạo. Năm 1990 ngành chế tạo ô-tô đã đem lại 1,7 tỉ đô-la với mức sản xuất đạt 1,3 triệu chiếc và hứa hẹn đến 1995 sẽ là 3 triệu, đưa NTT lên hàng thứ 5 trên thế giới về sản xuất ô-tô.

Một lối thoát khác mà Hội đồng các tổ chức doanh nhân NTT đề xuất là giảm bớt nhíp độ gia tăng tiền lương để phục hồi khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, nhưng điều này lại mâu thuẫn với những kiến nghị của các tổ chức công đoàn. Lối thoát cuối cùng là nhìn về phía những quan hệ kinh tế đối ngoại: duy trì các mối quan hệ với Mỹ và Nhật, đồng thời tiếp tục quá trình chuyển hướng xuất nhập khẩu và mở rộng buôn bán với Đông Âu, Trung Quốc, Liên Xô, Việt Nam, uyển chuyển hơn trong việc giải quyết các mâu thuẫn với các đối thủ chính về kinh tế-thương mại.

Cùng với những cải cách trong nước đang được thực hiện, người ta vẫn hi vọng rằng những suy giảm trong hai năm qua của nền kinh tế NTT là điều tự nhiên sau khi đã đạt được những đỉnh cao trước đó. Những ấn tượng không còn đậm nét, nhưng không phải sẽ mờ dần và mất hẳn: phải chăng nền kinh tế NTT đang bước dần vào một giai đoạn tăng trưởng ổn định?

1 - 91.

VT.

Tài liệu tham khảo chính:

1. Các nước công nghiệp mới - sự phát triển trong những điều kiện hiện nay. Bản tiếng Nga của A. Phêđôrovski, Phụ san Tạp chí KTTG và QHQT 1990.
 2. Tình hình Thế giới 1989-1990. Nxb KHXH, 1990.
- Nam Triều Tiên, tạm ngừng hay thất bại? (dịch từ nguyên bản tiếng Pháp của Bertrand Chung).

(1) Bertrand Chung: Tình hình thế giới 1989-90, Nxb KHXH, tr. 203. Thực ra, số thặng dư này chỉ là 8,9 tỉ đô la (xem biểu thống kê sách đã dẫn, tr. 202).

muốn những người trong họ hàng, chứ không muốn muốn người ngoài, vì còn sợ "mang tiếng là bóc lột". Ngay cả một số người đi làm muốn cũng ngán vì nghe đồn rằng "xã hội chủ nghĩa không có chuyện đi làm thuê, làm mượn, đến các vùng kinh tế mới mà làm ăn". Câu nói ấy không phải cấm nhưng nghe cứ như là cấm! Theo bà con thì nên tính sao - tôi hỏi tiếp và được trả lời: "Người phải đi ít đi, đi vừa phải thôi mới được, cứ "trời sinh voi sinh cỏ" rồi để một năm hoặc hai năm một đứa thì gay go lắm. Đề nghị Đảng, Chính phủ các cấp giải tỏa cho các chủ ruộng, chủ vườn, chủ các nghề khác ở nông thôn để họ không sợ mang tiếng là bóc lột nữa; công bố chính thức công khai cho phép được có quyền thuê người làm và có quyền đi làm mượn. Cũng đề nghị với Đảng, Chính phủ tiếp tục có các chính sách khuyến khích động viên "đất để" "việc để", cụ thể là tiếp tục đầu tư dịch đáng cho nông nghiệp và nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi mở mang các vùng kinh tế ở Đồng Tháp Mười, ở Long Xuyên, Cà Mau v.v... để thu hút, lôi cuốn những

người làm muốn tự nguyện, tự giác đến đó làm ăn, đồng thời cũng có chính sách khuyến khích những người khá giả, giàu có ở nông thôn, ngoài nghề trồng trọt, chăn nuôi, bỏ vốn ra mở thêm các nghề khác để tạo thêm việc làm cho người lao động. Tôi nghĩ rằng những ý kiến trên của bà con cũng đã "sáng" ra một số vấn đề, nhưng xin thêm: Nhà nước cần sớm nghĩ tới một kế hoạch chủ động mở mang các ngành công nghệ và dịch vụ phù hợp với hoàn cảnh của vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long và các vùng khác, vừa để thêm việc làm, vừa để thêm của cải. Còn về việc "thuê mượn và đi làm thuê làm mượn" thì tôi nghĩ nước nào cũng vậy, kể cả các nước giàu có nhất cũng không thiếu gì người làm thuê làm mượn. Vấn đề là làm ăn, thuê mượn chính đáng, công bằng phải thỏa đáng là được. Với hoàn cảnh nước ta, tôi cho rằng càng có nhiều người bỏ vốn ra tổ chức sản xuất kinh doanh để tạo điều kiện cho người làm mượn luôn luôn có người thuê mượn, để có việc làm, có thu nhập là điều cần thiết và đáng mừng. NT